TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tâm;

Ông Nguyễn Đình Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai G – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 268/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2001; nơi thường trú: thôn L, xã S, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên lạc: 26, đường T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1997; nơi thường trú: thôn L, xã S, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: nhà trọ Đỗ Thị T1, Ô lô D, đường D, tổ A, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2026 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hà Văn T, chung sống năm 2019, có tổ chức lễ cưới, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2019 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/7/2019. Hôn nhân tự nguyện.

Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Hà Hải Đ, sinh ngày 10/01/2020. Cháu Đ hiện đang sống chung với chị L.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2026 cho đến nay.

Nay, chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T;

Về con chung: Chị L yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn chị L về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Trước yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Hà Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán được quy định tại Điều 48 và khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Thư ký tuân theo Điều 51 và Điều 237 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hà Văn T, chung sống năm 2019, có tổ chức lễ cưới, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2019 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/7/2019. Hôn nhân tự nguyện.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Hà Hải Đ, sinh ngày 10/01/2020. Cháu Đ hiện đang sống chung với chị L.

Về tài sản chung, nợ chung: không có. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2026 cho đến nay. Nay, chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T và giành quyền nuôi dưỡng con chung không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56, điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những đánh giá phân tích nêu trên căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Hà Văn T có nơi cư trú tại tổ A, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và

Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện anh Hà Văn T, yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị L và anh Hà Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hà Văn T là hôn nhân hợp pháp. Chị L yêu cầu ly hôn anh T do vợ chồng mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau, hiện không còn sống chung với nhau. Có cơ sở xác định hôn nhân của chị L, anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị L yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Hà Văn T có 01 con chung là cháu Hà Hải Đ, sinh ngày 10/01/2020, chị L yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Xét, cháu Đ hiện đang sống với chị L, chị L có nơi ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con. Hội đồng xét xử xét, giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Hà Văn T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đối với bị đơn anh Hà Văn T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hà Văn T.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Hà Hải Đ, sinh ngày 10/01/2020 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu anh T cấp dưỡng cho con nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Hà Văn T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026716 ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2019 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/7/2019);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Tuyết